

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Nguyễn Duy Oanh;

Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20/10/2022 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 610/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Phạm X - Sinh năm: 2003. Địa chỉ: xã Long H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lương T - Sinh năm: 1997. Địa chỉ: xã Long T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Phạm X trình bày:

Chị X và anh T tự tìm hiểu và quen biết nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long T. Cuộc sống hôn nhân của chúng tôi thời

gian đầu thì hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, anh T không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình ăn chơi nhậu nhẹt cờ bạc, chị X đã nhiều lần khuyên anh T nhưng anh T không sửa đổi mà còn phản ứng lại đã nhiều lần như vậy nên chị X đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ khoảng tháng 7/2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị X nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị X yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có một con chung tên Lương Trọng T, sinh ngày 01/7/2021 hiện đang sống với gia đình anh T, chị X đồng ý giao con cho anh T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Phạm X và Lương T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không cùng tiếng nói, anh T không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình ăn chơi nhậu nhẹt cờ bạc, chị X đã nhiều lần khuyên anh T nhưng anh T không sửa đổi mà còn phản ứng lại đã nhiều lần như vậy nên chị X đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ khoảng tháng 7/2022 cho đến nay hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân của chị X và anh T như trên được chứng minh bằng hành động cụ thể là anh T không chấp hành các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, bỏ mặt không ý kiến gì, đồng thời cố ý không chấp hành pháp luật. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên nhưng chị X vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T, mâu thuẫn của chị X và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị X yêu cầu ly hôn là thỏa mãn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ.

[2] Về con chung: Chị X và anh T có một con chung tên Lương Trọng T, sinh ngày 01/7/2021 chị X đồng ý giao con cho anh T nuôi, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Chị X không trực tiếp nuôi con đáng lý ra phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng anh T bỏ mặt không ý kiến gì và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị X không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Lương T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Lương T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Phạm X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Phạm X được ly hôn với Lương T.
2. Về con chung: Lương T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lương Trọng T, sinh ngày 01/7/2021.

Lương T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Phạm X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Phạm X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn đồng) mà Phạm X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0010645, ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Phạm X đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/12/2022). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm